TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Q** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI** Bản án số: 16/2024/HS-ST Ngày: 24/4/2024	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Q, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đào Thị Thúy

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hoa.

Ông Nguyễn Văn Thắng.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Huyền Lê – Thư ký Toà án nhân dân huyện Q.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Q tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Q xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 09/2024/TLST - HS ngày 12 tháng 3 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2024/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 4 năm 2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Văn T, sinh năm 1970 tại Hà Nội; Tên gọi khác: không; Nơi ĐKHKTT: Xóm 2, thôn Đại Tảo, xã Đ, huyện Q, Thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: tự do; Giới tính: Nam; Trình độ học vấn: 8/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Con ông: Nguyễn Văn Tiến và bà: Đinh Thị Nhiệm; Vợ: Nguyễn Thị Thanh Bình (đã ly hôn) và có 03 con: con lớn nhất sinh năm 1994, con nhỏ nhất sinh năm 2011; Tiền án, tiền sự: Chưa; Nhân thân: không; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam ngày 03/01/2024. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Q – Thành phố Hà Nội. Có mặt.

Bị hại:

- Anh Vương Xuân Q, sinh năm 1984. Địa chỉ: Thôn 2, xã TH, huyện Q, Thành phố Hà Nội. Có mặt.

- Chị Nguyễn Thị T1, sinh năm 1976. Địa chỉ: Thôn Yên Quán, xã Tân Phú, huyện Q, Thành phố Hà Nội. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21h30 phút ngày 04/11/2023, chị Nguyễn Thị T1 đang ngồi uống bia cùng với anh Vương Xuân Q, anh Nguyễn Văn Trọng, anh Nguyễn Hữu Đức, anh Vương Đình Diện và chị Đặng Thị Thu Hiên tại Quán bia - cafe hát cho nhau nghe "Cây Đa Quán" do chị T1 làm chủ có địa chỉ tại thôn Đại Tảo, xã Đ, huyện Q, Hà Nội. quá trình ngồi uống bia cùng nhau, anh Q nhờ chị T1 cầm giúp 01 chiếc điện thoại Samsung Galaxy A02 và 01 pin dự phòng. Chị T1 đồng ý nên đã để các tài sản trên của anh Q vào túi xách của mình rồi cầm trên tay. Đến khoảng 21h45 phút cùng ngày, bị cáo Nguyễn Văn T (trước đó là bạn trai của chị T1) điều khiển xe máy Honda Vision BKS: 29X1-992.05 đi một mình đến. T dựng xe ở sân và đi bộ về phía chị T1, trên tay chị T1 lúc này đang cầm 01 chiếc điện thoại Iphone 7 Plus của chị. Thấy T đến chị T1 đã cất chiếc điện thoại trên vào túi xách. T cho rằng chị T1 chặn số điện thoại của mình nên đã gặng hỏi nhưng chị T1 không thừa nhận. Sau đó, T đã có hành vi dùng tay giật lấy chiếc túi xách mà chị T1 đang để ở trên đùi thì bị chị T1 dùng tay đẩy ra nên T không lấy được. T nói với chị T1 *"Đưa điện thoại đây"* đồng thời dùng tay phải vòng qua phía trước cổ chị T1 còn tay trái vòng về phía sau gáy chị T1 để khống chế rồi giật lấy chiếc túi xách. Sau khi lấy được túi xách của chị T1, T lấy chiếc điện thoại Iphone 7 Plus của chị T1 từ bên trong ra và nói: *"Tao mua máy cho mày để mày chặn máy của tao buôn với trai à"*. Nói xong T cầm luôn chiếc điện thoại và để lại chiếc túi xách của chị T1 lên mặt bức tường ngăn ở khu vực bếp, T lấy điện thoại của mình gọi vào điện thoại của chị T1 nhưng không được nên T giơ 2 chiếc điện thoại về phía chị T1 và nói: *"Thế này không phải là chặn số của tao à"* rồi T cất chiếc điện thoại Iphone 7 Plus của chị T1 vào túi quần bên phải của mình và đi ra phía gần cửa quán để nghe điện thoại gọi đến cho T. Lúc này anh Q đang ngồi ở cạnh đó đứng dậy cầm chiếc túi xách của chị T1 mục đích để lấy chiếc điện thoại Samsung Galaxy A02 của mình đã gửi chị T1 trước đó thì T nhìn thấy và nói: *"Em ơi, em là gì mà cầm vào túi của vợ anh?"* rồi T dùng tay giằng co chiếc túi xách của chị T1 với anh Q. Quá trình giằng co Q nói với T: *"Anh ơi trong này có điện thoại của em"* nhưng bị T quát *"Bỏ ra, mày biết đây là ai không"* sau đó T dùng tay giật mạnh và lấy được chiếc túi xách của chị T1 từ tay anh Q. Lúc này chị T1 và anh Q có giải thích là bạn của nhau và trước đó anh Q có để nhờ điện thoại trong túi xách của chị T1 nhưng T không đồng ý mà tiếp tục nói to tiếng và mở chiếc túi xách của chị T1 lấy ra 01 cục pin dự phòng màu đen của anh Q rồi giơ về phía chị T1 và hỏi *"Đây là cái gì đây?"*. Chị T1 trả lời *"Điện thoại"*. Khi nghe chị T1 nói vậy T liền giơ cục pin lên và đập xuống đất. Sau đó, T tiếp tục lấy ra 01 chiếc điện thoại Samsung Galaxy A02 từ trong túi xách của chị T1 ra và nói với anh Q: *"Đây là điện thoại của em đúng không? mày định cặp bồ với nó chứ gì? Định cặp không?"* anh Q trả lời: *"Tôi chẳng cặp với ai cả"*. Sau đó, T cất chiếc điện thoại của

anh Q vào túi quần bên phải của mình. Thấy vậy anh Q nói với T *"Ông anh ơi cho em xin lại cái điện thoại, nếu anh dám cầm luôn em sẽ gọi công an anh cướp điện thoại của em"* thì T trả lời *"Ok, em gọi đi"*.Anh Q đứng lên nói *"Ông cầm điện thoại của tôi nhá, đây anh em làm chứng ông cướp điện thoại của tôi nhá"*, T trả lời *"Đúng rồi, Ok, đi đi"*. Sau đó anh Q ra sân lấy xe máy đi lên Công an xã Đ trình báo sự việc, còn T cầm chiếc túi xách của chị T1 cất vào cốp xe máy của mình thì chị T1 chạy theo giằng lại được. T điều khiển xe máy cầm theo 02 chiếc điện thoại chiếm đoạt được của chị T1 và anh Q đi về nhà ở thôn Đại Tảo, xã Đ. Đến khoảng 22h30 phút cùng ngày T đến nhà anh trai là Nguyễn Văn Tân sinh năm 1967 ở cùng thôn, nhờ anh Tân đến quán của chị T1 trả giúp chiếc điện thoại Samsung Galaxy A02 mà T đã chiếm đoạt của anh Q trước đó, nhưng vì đã khuya nên anh Tân không đi trả ngay mà đã đi ngủ. Sau khi tiếp nhận tin báo của anh Q và chị T1, Công an xã Đ đã đến nhà mời T lên làm việc, quá trình làm việc T đã tự nguyện giao nộp 01 chiếc điện thoại Iphone 7 Plus mà T đã chiếm đoạt của chị T1 trước đó. Đến khoảng 05h00 phút ngày 05/11/2023, anh Tân ngủ dậy đi tập thể dục và cầm theo chiếc điện thoại Samsung Galaxy A02 đến quán của chị T1 để trả nhưng do quán đóng cửa nên anh Tân đã đi vòng ra phía sau rồi nhặt 01 đoạn gậy bằng tre ở gần đó kẹp chiếc điện thoại trên vào đầu gậy và đưa trả lại chiếc điện thoại vào bên trong quán qua cửa sổ phòng vệ sinh. Chiếc điện thoại này sau đó đã được anh Nguyễn Văn Tuấn là con trai của chị T1 giao nộp để phục vụ điều tra.

* *Vật chứng thu giữ:* 01 chiếc điện thoại Iphone 7 Plus màu vàng, số Imei: 353812080861777, có lắp sim số: 0332688178; 01 chiếc điện thoại Samsung Galaxy A02 số Imei 1: 351389222765887, số Imei 2: 352682482765889, có lắp sim số 0961447864; 01 chiếc xe máy Honda Vision BKS: 29X1-992.05; 01 pin sạc dự phòng màu đen, trên bề mặt sạc có chữ "10MAH".

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 67/KL-HĐĐGTS ngày 06/12/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Quốc đã kết luận: 01 chiếc điện thoại Iphone 7 Plus màu vàng, số Imei: 353812080861777, lắp sim số: 0332688178, dung lượng lưu trữ 32Gb tại thời điểm ngày 04/11/2023 có giá trị là 2.067.000 đồng; 01 chiếc điện thoại Samsung Galaxy A02 số Imei 1: 351389222765887, số Imei 2: 352682482765889, lắp sim số 0961447864, dung lượng lưu trữ 32Gb tại thời điểm ngày 04/11/2023 có giá trị là 633.000 đồng. Tổng cộng 02 chiếc điện thoại là 2.700.000 đồng.

* *Kết quả giám định video:*

Ngày 07/12/2023 cơ quan CSĐT Công an huyện Q đã ra Quyết định trưng cầu giám định số 324/QĐ-CQĐT đề nghị Viện khoa học hình sự - Bộ Công an giám định 02 File video được lưu trữ trong 01 chiếc USB, nhãn hiệu Kingston được trích xuất từ Camera tại hiện trường. Ngày 14/12/2023, Viện khoa học hình sự - Bộ Công

an có bản kết luận giám định số 9117/KL-KTHS kết luận: Không tìm thấy dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa nội dung trong các tệp video mẫu cần giám định.

Cơ quan CSĐT Công an huyện Q đã ra Quyết định xử lý vật chứng số 08 + 09 ngày 04/01/2024 trả lại 01 chiếc điện thoại Iphone 7 Plus màu vàng, số Imei: 353812080861777, lắp sim số: 0332688178 cho chị Nguyễn Thị T1, trả lại 01 chiếc điện thoại Samsung Galaxy A02 số Imei 1: 351389222765887, số Imei 2: 352682482765889, lắp sim số 0961447864 và 01 cục pin sạc dự phòng màu đen, trên bề mặt sạc có chữ "10MAH" cho anh Vương Xuân Q. Anh Q và chị T1 không có yêu cầu hay đề nghị T phải bồi thường gì về dân sự nên cơ quan điều tra không đề cập.

Chiếc xe máy Honda Vision BKS: 29X1-992.05 T mượn của cháu là chị Lê Thị Hùy, sinh năm 1985 ở thôn Phượng Nghĩa, xã Phụng Châu, huyện Chương Mỹ, Hà Nội để đi về nhà ở thôn Đại Tảo, xã Đ, huyện Q nên ngày 04/01/2024 Công an huyện Q đã trả lại chiecs xe cho chị Lê Thị Hùy.

Quá trình điều tra vụ án bị cáo Nguyễn Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận tội của bị can phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được trong quá trình điều tra vụ án.

Bản cáo trạng số 10/CT – VKSQO ngày 11 tháng 3 năm 2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Q đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội "Cướp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 168 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

* Bị cáo khai nhận hành vi của mình như đã khai tại cơ quan điều tra và nội dung bản cáo trạng.

* Các bị hại đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Q giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội Cướp giật tài sản. Đề nghị:

- Áp dụng khoản 1 Điều 168; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt Nguyễn Văn T từ 38 tháng đến 42 tháng tù giam.

- Về hình phạt bổ sung: không áp dụng do bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập.

- Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì khác nên không xem xét.

- Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Nói lời sau cùng trước khi Hội đồng xét xử nghị án: Bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an huyện Q, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Q, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã khai báo và không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Xét lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Bị cáo Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị T1 có quan hệ tình cảm từ trước. Do T cho rằng chị T1 đã chặn liên lạc với mình nên khoảng 21h50 phút ngày 04/11/2023 bị cáo đã điều khiển chiếc xe máy Honda Vision BKS: 29X1-992.05 đến quán bia - cafe hát cho nhau nghe "Cây Đa Quán" do chị T1 làm chủ có địa chỉ ở thôn Đại Tảo, xã Đ, huyện Q, Thành phố Hà Nội để gặp chị T1. Tại đây, T đã có hành vi chửi bới, dùng vũ lực để khống chế, giằng giật và chiếm đoạt 01 chiếc điện thoại Iphone 7 Plus có trị giá 2.067.000 đồng của chị T1 và 01 chiếc điện thoại Samsung Galaxy A02 có trị giá 633.000 đồng của anh Vương Xuân Q để ở bên trong túi xách của chị T1. Tổng giá trị 02 chiếc điện thoại là 2.700.000 đồng. Sau khi chiếm đoạt được 02 chiếc điện thoại nêu trên thì T để vào túi quần rồi điều khiển xe máy đi về nhà. Trong quá trình thực hiện hành vi chiếm đoạt, anh Q và chị T1 có ngăn cản và yêu cầu T trả lại tài sản nhưng T không đồng ý mà vẫn thực hiện hành vi chiếm đoạt. Hiện cơ quan điều tra đã thu giữ 02 chiếc điện thoại trên và trả lại cho bị hại là chị T1 và anh Q.

Hành vi nêu trên của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội Cướp tài sản quy định tại khoản 1 Điều 168 Bộ luật hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Q truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Bị cáo đã có hành vi chửi bới, khống chế chị T1 để giằng giật lấy chiếc túi có đựng chiếc điện thoại Iphone 7 Plus của chị và chiếc điện thoại Samsung Galaxy A02 của anh Q. Mặc dù chị T1 và anh Q có ngăn cản, yêu cầu T trả lại điện thoại nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi chiếm đoạt. Vì vậy, cần phải áp dụng mức hình phạt tương xứng, cách ly bị cáo khỏi

đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo nói riêng và phòng ngừa chung.

Trong khi thực hiện hành vi chiếm đoạt hai chiếc điện thoại trên, bị cáo T còn có hành vi đập cục pin sạc dự phòng của anh Q xuống nền sân của quán. Cơ quan điều tra đã cùng anh Q kiểm tra tình trạng hoạt động của cục pin sạc dự phòng và xác định cục pin sạc dự phòng không bị hư hỏng gì, vẫn hoạt động bình thường, bản thân anh Q không có yêu cầu hay đề nghị gì liên quan đến cục pin sạc dự phòng nên cơ quan điều tra không đề cập xử lý là có căn cứ.

[3]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Nhân thân chưa có tiền án, tiền sự, lần đầu phạm tội; Tài sản đã được thu hồi và trả lại cho các bị hại; Tại phiên tòa, các bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[4]. Về hình phạt bổ sung: do bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên không áp dụng.

[5]. Các bị hại đã được nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì khác về dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định. Bị cáo và những người tham gia tố tụng có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội Cướp tài sản.

Căn cứ: Khoản 1 Điều 168; Điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 40 (Bốn mươi) tháng tù giam. Thời hạn tù tính từ ngày 03/01/2024.

2. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về chế độ án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Bị cáo và các bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND TP Hà Nội;
- Công an huyện Q;
- VKSND huyện Q;
- Chi cục THADS H.Q;
- UBND xã Đ (H.Q, Hà Nội);
-Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án;VPTA;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Đào Thị Thúy

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**